

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 9- HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2025

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9- HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Bách.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Linh và ông Nguyễn Trường Ca.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Đào- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9- Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9- Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9- Hải Phòng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 181/2025/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01A/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 05/9/1990.

CCCD số: 030190020891.

Địa chỉ: KDC T, phường Đ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Nay là KDC T, phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Q, sinh ngày 16/12/1985.

Số ĐDCN: 030085007176 (CMND số 142223437).

Địa chỉ: KDC T, phường Đ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Nay là KDC T, phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng.

Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức đăng ký tại UBND xã Đ (nay là phường Đ)

ngày 16/11/2009 và hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị về nhà anh Q tại KDC T, phường Đ chung sống. Quá trình chung sống cơ bản không có mâu thuẫn lớn, nhưng do anh Q ham chơi vay nợ nhiều dẫn đến phá tán tài sản, vợ chồng đã phải bán nhà đất chung đi trả nợ nhưng vẫn chưa giải quyết xong. Cách đây vài năm anh Q đã phải bỏ nhà trốn nợ, thỉnh thoảng mới về nhà vào buổi tối thăm con rồi lại trốn đi làm ăn xa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Q.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Minh T1- sinh ngày 28/9/2010, Nguyễn Minh P- sinh ngày 18/12/2014, Nguyễn Minh M- sinh ngày 01/8/2017. Hiện cả ba con đều đang ở với chị T tại KDC T, phường Đ. Khi ly hôn chị xin nuôi dưỡng cả ba con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con vì thực tế anh Q còn đang trốn nợ không ở nhà.

Về quan hệ tài sản, vay nợ, công sức chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng cố ý không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Q theo quy định của pháp luật.

Tại bản tường trình và đề nghị ngày 16/7/2025, anh Q xác định:

Đã nhận được Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo phiên hòa giải; Quyết định xét xử của Tòa án.

Do công việc tôi không thể đến Tòa án làm việc và giải quyết vụ án được. Vì vậy bằng văn bản này xin tự khai và đề nghị như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Nguyễn Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã Đ (nay là phường Đ) ngày 16/11/2009, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị T về nhà tôi chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn. Do tôi làm ăn không được thuận lợi, phải vay nợ nhiều nên hiện nay phải đi làm ăn xa mấy năm nay, tôi chỉ dám về nhà vào buổi tối hoặc những dịp lễ tết, thực tế tôi và chị T đã ly thân nhau vài năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị T có yêu cầu ly hôn nên tôi đồng ý ly hôn với chị T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung là Nguyễn Thị Minh T1- sinh ngày 28/9/2010, Nguyễn Minh P- sinh ngày 18/12/2014, Nguyễn Minh M- sinh ngày 01/8/2017. Hiện cả ba con đều đang ở với chị T tại KDC T, phường

Đ. Khi ly hôn tôi cũng có nguyện vọng nuôi con nhưng hiện nay tôi đang phải đi làm xa nên đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng.

Về tài sản, công sức, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc nên tôi đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng cho tôi. Tôi đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tôi.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2025 cháu Nguyễn Thị Minh T1, Nguyễn Minh P, Nguyễn Minh M (con đẻ của anh Q và chị T) trình bày nguyện vọng được ở với mẹ là Nguyễn Thị T. Nguyện vọng của các cháu là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Những người làm chứng gồm bà Dương Thị T2 (mẹ đẻ chị T, mẹ vợ anh Q), ông Nguyễn Hữu T3 (chú ruột anh Q, chú chồng chị T) đều trình bày: Chị T và anh Q kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2009. Sau ngày cưới chị T về nhà anh Q tại KDC T chung sống. Quá trình chung sống thì không có mâu thuẫn lớn nhưng do anh Q ham chơi nên dẫn tới vỡ nợ, đã phải bán đi một phần đất nhưng vẫn chưa trả hết nợ. Do các chủ nợ ép đòi nên anh Q đã bỏ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà lén lút. Chị T hiện cùng 03 con vẫn ở tại nhà đất ở khu T.

Trưởng khu dân cư T cung cấp: Anh Nguyễn Hữu Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Do anh Q trốn nợ nên vắng mặt tại nhà, thỉnh thoảng có về rồi lại đi, không cất chuyển khẩu hoặc khai báo tạm vắng, trên nhà đất hiện chỉ có chị T là vợ và 03 con sinh sống.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu Q vắng mặt có ý kiến trình bày xin Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9- Hải Phòng bày tỏ quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng tại phiên toà đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Hữu Q. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Minh T1- sinh ngày 28/9/2010, Nguyễn Minh P- sinh ngày

18/12/2014, Nguyễn Minh M- sinh ngày 01/8/2017 đến khi con đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu và được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở. Về công sức, tài sản, vay nợ chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T chịu 300.000đ án phí ly hôn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

##### **[1]. Về tố tụng:**

1.1. Bị đơn anh Nguyễn Hữu Q đăng ký thường trú và cư trú tại KDC T, phường Đ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9- Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Nguyên đơn, bị đơn, người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ.

1.3. Bị đơn anh Nguyễn Hữu Q, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt có ý kiến xin xét xử vắng mặt; Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu Q, được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã Đ, thị xã Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng) ngày 16/11/2009, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống nên là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xem xét về quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh Q thấy rằng: Từ khi kết hôn năm 2009 và quá trình chung sống vợ chồng đã có mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống không đồng nhất, bất đồng quan điểm phát triển kinh tế; anh Q ham chơi nên dẫn đến nợ nần đã phải bỏ nhà đi trốn nợ 5-6 năm, thỉnh thoảng mới về nhà vụng trộm, bỏ mặc chị T cùng 03 con nhỏ. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q như trên không thể hiện sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi

phạm nghĩa vụ vợ chồng; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Nguyễn Hữu Q.

[4]. Về con chung: Xác định chị T và anh Q có 03 con chung là Nguyễn Thị Minh T1- sinh ngày 28/9/2010, Nguyễn Minh P- sinh ngày 18/12/2014, Nguyễn Minh M- sinh ngày 01/8/2017. Hiện các con đang sống với chị T tại KDC T ổn định. Khi ly hôn nguyện vọng của chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cả ba con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng vì anh Q nợ nần và hiện đang trốn nợ; anh Q đồng ý giao con cho chị T vì hiện không có điều kiện nuôi con; các cháu Minh T1, Minh P, Minh M đang ở với chị T ổn định và có nguyện vọng muốn ở với chị T. Vì vậy, cần giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cả ba con chung đến khi đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu và anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở là phù hợp thực tế phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản, vay nợ, công sức chung: Chị T và anh Q đều không yêu cầu. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị T, Bị đơn anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Từ các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Hữu Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Minh T1- sinh ngày 28/9/2010, Nguyễn Minh P- sinh ngày 18/12/2014, Nguyễn Minh M- sinh ngày 01/8/2017 đến khi con đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công sức, vay nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu ký hiệu BLTU/24 số 0002687, ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị T; bị đơn anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- VKSND khu vực 9- Hải Phòng;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND phường Lê Đại Hành (q/l hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trọng Bách**